

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG**

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023  
**đã được soát xét**

PH. C.

M.S.D.

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 32

33  
TRAC  
DUC  
VIC  
VA

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (tên cũ là Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng: ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 – 123 – 125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	Thành viên	(Đến ngày 25/04/2023)
Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên	
Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên	
Bà Trần Thị Nga Huế	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	(Từ ngày 12/04/2023)
Ông Trần Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	(Đến ngày 12/04/2023)
Bà Nguyễn Thái Nga	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Công Tuấn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban
Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2023



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang được lập ngày 12/08/2023, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>748.207.627.732</b>	<b>756.819.520.319</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.920.388.932	18.760.648.085
1. Tiền	111		14.920.388.932	18.760.648.085
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	57.433.160.447	31.433.160.447
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.433.160.447	9.433.160.447
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.000.000.000	22.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		454.713.374.759	426.106.868.573
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	368.536.305.197	306.873.989.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.858.427.484	109.552.199.842
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	16.318.642.078	9.680.679.079
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	185.334.121.361	257.513.977.962
1. Hàng tồn kho	141		212.409.344.863	284.589.201.464
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.075.223.502)	(27.075.223.502)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.806.582.233	23.004.865.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	19.596.817.443	6.896.819.910
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	16.209.764.790	16.108.045.342
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>422.639.396.521</b>	<b>423.510.418.642</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		838.267.338	1.027.929.940
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	838.267.338	1.027.929.940
II. Tài sản cố định	220		144.612.399.259	154.568.170.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	63.426.689.406	72.916.398.548
- Nguyên giá	222		171.298.895.465	182.173.037.198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.872.206.059)	(109.256.638.650)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	81.185.709.853	81.651.771.787
- Nguyên giá	228		94.132.756.099	94.132.756.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.947.046.246)	(12.480.984.312)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.185.462.796	2.185.462.796
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.185.462.796	2.185.462.796
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	275.003.267.128	265.728.855.571
1. Đầu tư vào công ty con	251		217.632.555.571	208.632.555.571
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.305.000.000	15.305.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.007.000.000	50.007.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.941.288.443)	(8.215.700.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.170.847.024.253</b>	<b>1.180.329.938.961</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>296.332.428.744</b>	<b>306.499.417.266</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>296.332.428.744</b>	<b>306.499.417.266</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	50.859.022.424	82.507.619.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.350.207.358	7.342.813.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.638.904.984	4.835.828.350
4. Phải trả người lao động	314		535.296.281	9.382.637.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.715.300.837	7.699.198.434
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	28.649.810.902	30.133.880.524
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	115.671.964.233	80.373.118.456
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	2.970.887.344	2.970.887.344
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		79.941.034.381	81.253.434.381
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>874.514.595.509</b>	<b>873.830.521.695</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>869.426.065.043</b>	<b>868.741.991.229</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.394.675.475	344.394.675.475
3. Cổ phiếu quỹ	415		(167.011.563.046)	(167.011.563.046)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		323.963.243.487	323.963.243.487
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.485.549.127	23.801.475.313
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.801.475.313	13.966.374.066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		684.073.814	9.835.101.247
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>5.088.530.466</b>	<b>5.088.530.466</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	5.088.530.466	5.088.530.466
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.170.847.024.253</b>	<b>1.180.329.938.961</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	380.695.360.570	399.372.460.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.748.589.151	5.591.347.126
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	375.946.771.419	393.781.113.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	270.948.276.590	278.096.387.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.998.494.829	115.684.725.921
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	12.151.868.437	12.856.535.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	3.915.795.959	1.531.860.627
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.148.670.590	1.494.964.854
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	84.013.345.317	90.910.478.925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	28.660.987.882	30.290.627.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		560.234.108	5.808.294.084
11. Thu nhập khác	31	VI.8	273.398.606	852.185.572
12. Chi phí khác	32	VI.9	149.558.900	5.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		123.839.706	847.185.572
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		684.073.814	6.655.479.656
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		684.073.814	6.655.479.656

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	684.073.814	6.655.479.656
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.691.552.214	3.210.356.678
- Các khoản dự phòng	03	(274.411.557)	(1.018.709.316)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.745.145.430)	(13.154.542.611)
- Chi phí lãi vay	06	4.148.670.590	1.494.964.854
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.495.260.369)	(2.812.450.739)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(21.982.795.376)	3.559.914.663
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	72.179.856.601	(30.638.278.474)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(46.985.835.065)	(4.218.639.449)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(12.699.997.533)	(3.324.039.759)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.116.269.824)	(1.502.815.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(546.879.524)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.312.400.000)	(1.095.099.688)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(18.412.701.566)</b>	<b>(40.578.288.599)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(250.798.400)	(1.281.741.796)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.401.818.182	772.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(48.000.000.000)	(19.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.000.000.000	36.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.200.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	5.322.576.854	3.649.085.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(20.726.403.364)</b>	<b>20.140.070.983</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116.743.175.190	57.366.044.351
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(81.444.329.413)	(52.038.612.532)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(13.494.321.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>35.298.845.777</b>	<b>(8.166.889.881)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(3.840.259.153)</b>	<b>(28.605.107.497)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.760.648.085	51.841.600.869
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.920.388.932	23.236.493.372

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng

384  
TY  
HỮU  
SỞ  
VỊ  
Ế  
T  
TOÁ  
ÉT  
C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (tên cũ là Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 484 người (tại ngày 31/12/2022 là 676 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng: ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

a) Các Công ty con:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử ...	25.272.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện...	176.271.000.000	100%



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Quang	Mua bán, lắp đặt thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, điện tử. Lắp đặt hệ thống điện ...	3.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng ...	6.000.000.000	51%
Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh	Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình công nghệ thông tin...	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Quasarlum	Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, thiết kế trang trí nội thất....	3.000.000.000	100%

## b) Các Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	68 Ngô Tất Tố, Phường 19, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	Sản xuất	42%
Công ty Cổ phần 4P	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Thương mại	49,19%

## c) Các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Đèn ống – Công ty CP Tập đoàn Điện Quang
- Xí nghiệp Ống thủy tinh – Công ty CP Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Đồng An – Công ty CP Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Điện Quang tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Điện Quang tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Điện Quang tại Đà Nẵng

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc, tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 03 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm
- Bản quyền phần mềm	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG  
 121-123-125 HÀM NGHI, P. NGUYỄN THÁI BÌNH, Q.1, TP. HCM  
 213  
 ĐĂNG KÝ  
 HIỆN VỰC  
 NHÌN  
 ĐỀ M V  
 P. H



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## 21. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	517.747.261	1.081.161.492
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.662.641.671	17.679.486.593
Tiền đang chuyển	740.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.920.388.932</b>	<b>18.760.648.085</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Đầu tư tài chính

	30/06/2023			01/01/2023		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	9.433.160.447	-	-	9.433.160.447	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	9.433.160.447	-	-	9.433.160.447	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	12.868	433.136.656	-	12.868	433.136.656	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	562.500	9.000.000.000	(*)	562.500	9.000.000.000	(*)
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	2	23.791	59.000	2	23.791	54.500

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	48.000.000.000	48.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (*)	48.000.000.000	48.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000

(\*) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng và không quá 12 tháng, hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là từ 3,7%/năm đến 8%/năm).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
<b>Bên thứ ba</b>	<b>365.156.354.805</b>	<b>303.854.209.545</b>
<u>Trong đó:</u>		
Phải thu khách hàng trong nước	355.580.971.540	294.165.729.530
Phải thu khách hàng nước ngoài	9.575.383.265	9.688.480.015
<b>Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)</b>	<b>3.379.950.392</b>	<b>3.019.780.107</b>
<b>Cộng</b>	<b>368.536.305.197</b>	<b>306.873.989.652</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
<b>Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)</b>	-	<b>28.888.684.712</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>69.858.427.484</b>	<b>80.663.515.130</b>
Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ Nhựa Bình An	26.000.000.000	26.000.000.000
Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại Tín Phát Plastic	24.000.000.000	24.000.000.000
Star Lighting Limited	1.109.613.454	4.237.803.826
Shenzhen Lvhong Electronics Technology Co., Ltd	-	2.486.700.341
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.748.814.030	23.939.010.963
<b>Cộng</b>	<b>69.858.427.484</b>	<b>109.552.199.842</b>

## 5. Phải thu khác

	30/06/2023	01/01/2023
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>16.318.642.078</b>	<b>9.680.679.079</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>7.606.331.987</b>	<b>7.371.824.316</b>
Phải thu người lao động	5.842.298.256	6.636.781.422
Phải thu lãi tiền gửi	506.421.917	374.109.589
Phải thu ngắn hạn khác	1.257.611.814	360.933.305
<b>Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)</b>	<b>8.712.310.091</b>	<b>2.308.854.763</b>
Cổ tức phải thu	8.712.310.091	2.308.854.763
<b>b) Phải thu khác dài hạn là Bên thứ ba</b>	<b>838.267.338</b>	<b>1.027.929.940</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	838.267.338	1.027.929.940
<b>Cộng</b>	<b>17.156.909.416</b>	<b>10.708.609.019</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số dư đầu năm	57.757.754.050	24.696.206.987	8.006.499.162	54.436.334.050	182.173.037.198
Mua trong kỳ	-	-	-	250.798.400	250.798.400
Thanh lý, nhượng bán	8.607.028.737	2.080.086.396	-	-	11.124.940.133
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.150.725.313</b>	<b>22.616.120.591</b>	<b>8.006.499.162</b>	<b>54.687.132.450</b>	<b>171.298.895.465</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	36.178.752.183	24.632.821.637	7.961.812.297	7.500.408.224	109.256.638.650
Khấu hao trong kỳ	499.910.370	11.185.650	33.515.154	1.940.701.428	3.225.490.280
Thanh lý, nhượng bán	2.092.011.475	2.080.086.396	-	-	4.609.922.871
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.586.651.078</b>	<b>22.563.920.891</b>	<b>7.995.327.451</b>	<b>9.441.109.652</b>	<b>107.872.206.059</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	21.579.001.867	63.385.350	44.686.865	46.935.925.826	72.916.398.548
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>14.564.074.235</b>	<b>52.199.700</b>	<b>11.171.711</b>	<b>45.246.022.798</b>	<b>63.426.689.406</b>

30/06/2023

01/01/2023

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

85.965.081.198

97.126.825.148

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	80.979.877.737	509.897.400	12.642.980.962	94.132.756.099
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.979.877.737</b>	<b>509.897.400</b>	<b>12.642.980.962</b>	<b>94.132.756.099</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.226.905.950	509.897.400	8.744.180.962	12.480.984.312
Khấu hao trong kỳ	55.661.934	-	410.400.000	466.061.934
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.282.567.884</b>	<b>509.897.400</b>	<b>9.154.580.962</b>	<b>12.947.046.246</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	77.752.971.787	-	3.898.800.000	81.651.771.787
Tại ngày cuối kỳ	77.697.309.853	-	3.488.400.000	81.185.709.853

30/06/2023

01/01/2023

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

9.048.878.362

9.048.878.362

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.185.462.796	2.185.462.796
<b>Cộng</b>	<b>2.185.462.796</b>	<b>2.185.462.796</b>

## 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Bên thứ ba</b>	<b>44.203.415.692</b>	<b>44.203.415.692</b>	<b>61.427.452.090</b>	<b>61.427.452.090</b>
Phải trả người bán trong nước	18.998.166.207	18.998.166.207	28.691.006.942	28.691.006.942
Phải trả người bán nước ngoài	25.205.249.485	25.205.249.485	32.736.445.148	32.736.445.148
<b>Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)</b>	<b>6.655.606.732</b>	<b>6.655.606.732</b>	<b>21.080.167.375</b>	<b>21.080.167.375</b>
<b>Cộng</b>	<b>50.859.022.424</b>	<b>50.859.022.424</b>	<b>82.507.619.465</b>	<b>82.507.619.465</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải trả người bán nào quá hạn chưa thanh toán.

## 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên thứ ba	3.350.207.358	7.342.813.289
<b>Cộng</b>	<b>3.350.207.358</b>	<b>7.342.813.289</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2023	Trong kỳ		30/06/2023
		Tăng	Giảm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	-	7.928.719.424	-	7.928.719.424
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	50.373.118.456	70.450.175.590	51.444.329.413	69.378.964.633
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (***)	30.000.000.000	38.364.280.176	30.000.000.000	38.364.280.176
<b>Cộng</b>	<b>80.373.118.456</b>	<b>116.743.175.190</b>	<b>81.444.329.413</b>	<b>115.671.964.233</b>

(\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-038/016/23/030 ngày 30/06/2023 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 9 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 30/06/2023 là 7.928.719.424 đồng.

(\*\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.22960152/2022-HĐCVHM/NHCT900-DIENQUANG ngày 30/12/2022 với hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện/điện tử. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 30/06/2023 là 69.378.964.633 đồng.

(\*\*\*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số LAV230007321/1401 ngày 03/02/2023 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 30/06/2023 là 38.364.280.176 đồng.

## 17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.970.887.344	2.970.887.344
<b>Cộng</b>	<b>2.970.887.344</b>	<b>2.970.887.344</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu						
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	41.524.440.066	886.464.955.982
Lợi nhuận trong năm trước					9.835.101.247	9.835.101.247
Trả cổ tức bằng tiền năm 2020					(27.558.066.000)	(27.558.066.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>343.594.160.000</b>	<b>344.394.675.475</b>	<b>(167.011.563.046)</b>	<b>323.963.243.487</b>	<b>23.801.475.313</b>	<b>868.741.991.229</b>
Số dư đầu năm nay	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	323.963.243.487	23.801.475.313	868.741.991.229
Lợi nhuận trong kỳ này					684.073.814	684.073.814
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>343.594.160.000</b>	<b>344.394.675.475</b>	<b>(167.011.563.046)</b>	<b>323.963.243.487</b>	<b>24.485.549.127</b>	<b>869.426.065.043</b>
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu						
				30/06/2023	%	01/01/2023
Vốn góp của các cổ đông khác				343.594.160.000	100%	343.594.160.000
<b>Cộng</b>				<b>343.594.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>343.594.160.000</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	343.594.160.000	343.594.160.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	343.594.160.000	343.594.160.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	13.779.033.000

d) Cổ phiếu	30/06/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	34.359.416	34.359.416
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	34.359.416	34.359.416
- Cổ phiếu phổ thông	34.359.416	34.359.416
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	6.801.350	6.801.350
- Cổ phiếu phổ thông	6.801.350	6.801.350
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	27.558.066	27.558.066
- Cổ phiếu phổ thông	27.558.066	27.558.066
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

19. Nguồn kinh phí	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	5.088.530.466	5.088.530.466
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	5.088.530.466	5.088.530.466

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	30/06/2023	01/01/2023
	a) Nợ khó đòi đã xử lý	17.727.837.341
b) Ngoại tệ các loại:		
+ USD	9.463,14	2.075,25
+ EUR	406,42	368,59
+ BSF	43.838,38	43.838,38

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng nội địa	366.743.617.432	389.120.698.928
Doanh thu xuất khẩu	584.388.375	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.481.851.760	7.962.731.630
Doanh thu khác	10.885.503.003	2.289.029.714
<b>Cộng</b>	<b>380.695.360.570</b>	<b>399.372.460.272</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan  
 Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VIII.2

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	255.182.497.465	282.706.692.714
Chi phí nhân công	48.606.798.832	57.005.830.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.691.552.214	3.210.356.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.761.065.421	16.941.488.055
Chi phí khác bằng tiền	49.324.386.572	46.121.481.994
<b>Cộng</b>	<b>368.566.300.504</b>	<b>405.985.849.837</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## 1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Góp vốn vào công ty con bằng cân trừ công nợ	2.800.000.000	-

## 2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vay theo kế ước thông thường	116.743.175.190	57.366.044.351

## 3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(81.444.329.413)	(52.038.612.532)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## 2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

Thù lao của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách Quản trị Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023 là 1.201.403.000 đồng. Chi tiết như sau:



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1	Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	172.000.000	172.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Kim Vinh	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/04/2023)	81.226.000	143.340.000
3	Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	143.340.000	143.340.000
4	Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên HĐQT	143.340.000	143.340.000
5	Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên HĐQT	143.340.000	143.340.000
6	Bà Trần Thị Nga Huế	Thành viên HĐQT	143.340.000	143.340.000
7	Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng BKS	245.817.000	240.216.000
8	Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên BKS	43.000.000	43.000.000
9	Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên BKS	43.000.000	43.000.000
10	Bà Lê Thị Tố Nga	Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị công ty	43.000.000	43.000.000
<b>Cộng</b>			<b>1.201.403.000</b>	<b>1.257.916.000</b>

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia điều hành và Ban điều hành trong 6 tháng đầu năm 2023 là 2.476.417.000 đồng (6 tháng đầu năm trước là 3.742.097.000 đồng). Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	454.250.000	430.800.000
Những người quản lý khác		2.022.167.000	3.311.297.000
<b>Cộng</b>		<b>2.476.417.000</b>	<b>3.742.097.000</b>

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>10.107.532.485</b>	<b>29.485.781.256</b>
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	Công ty con	127.756.157	389.371.782
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Công ty con	19.026.921	18.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	1.639.600.105	10.644.385.544
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	Công ty con	3.408.229.107	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	Công ty con	1.884.299.830	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	3.028.620.365	18.434.023.930
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>11.075.096.387</b>	<b>8.808.854.764</b>
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Công ty con	6.455.027.456	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	4.620.068.931	8.808.854.764



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>Góp vốn trong năm</b>		<b>9.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quasarlum	Công ty con	3.000.000.000	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		<b>147.701.273.482</b>	<b>195.994.014.778</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	122.654.012.001	125.654.697.862
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	Công ty con	-	67.273.132
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Công ty con	324.360.001	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	24.722.901.480	70.272.043.784

Cho đến ngày 30/06/2023, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>3.379.950.392</b>	<b>3.019.780.107</b>
Công ty TNHH MTV Quasarlum	Công ty con	2.072.729.813	-
Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông minh	Công ty con	928.460.020	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	320.537.499	2.325.832.147
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Điện Quang	Công ty con	37.293.447	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Công ty con	20.929.613	693.947.960
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		-	<b>28.888.684.712</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	-	28.888.684.712
<b>Phải thu khác ngắn hạn – tiền cở tức</b>		<b>8.712.310.091</b>	<b>2.308.854.763</b>
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	4.620.068.931	2.308.854.763
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Công ty con	4.092.241.160	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>6.655.606.732</b>	<b>21.080.167.375</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	4.892.753.229	17.683.746.378
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Công ty con	1.029.571.597	1.033.634.701
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Công ty con	733.281.906	-
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Công ty con	-	2.362.786.296



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

## 3. Báo cáo bộ phận

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Sản phẩm hàng hóa của Công ty chủ yếu được cung cấp tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán các loại sản phẩm điện, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

## 4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã soát xét và kiểm toán.

## 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

Ngày 12 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Quỳnh Hưng